TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:77/2023/DS-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn;
- Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Xuân Trường.
2- Ông Nguyễn Ngọc Trứ.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST -DS ngày 08/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đồng Văn D, sinh năm 1970 – Vắng mặt
Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975 – vắng mặt
Đều nơi cư trú: Thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L: Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979 – Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Địa chỉ liên hệ: Số 123 đường Nguyễn Gia Thiều, khu 3, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1975 – Vắng mặt
Bà Phan Thị H, sinh năm 1979 – Vắng mặt
Đều nơi cư trú: Thôn Tân Sơn, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/11/2022; bản tự khai ngày 10/01/2022 và Biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của ông Đồng Văn D trình bầy.

Gia đình ông Dũng, bà Liễu có mở đại lý kinh doanh buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, để bán cho các hộ chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen biết,

giữa ông Dũng, bà Liễu và vợ chồng ông Trần Văn N, bà Phan Thị H có thỏa thuận mua cám thức ăn chăn nuôi tại đại lý của gia đình ông Dũng, bà Liễu và trả chậm (mua chịu). Đến ngày 02/02/ 2021 do ông Nam, bà Hạnh không tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi nữa, chốt sổ nợ với nhau. Theo giấy chốt nợ này đến ngày 02/02/2021 vợ chồng ông Nam, bà Hạnh nợ số tiền là 271.622.000 đồng (Hai trăm bẩy mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng), bà Hạnh là người ký chốt nợ. Khi chốt nợ hai bên không thỏa thuận ngày trả và lãi suất. Từ tháng 02/02/2021 đến nay ông Dũng, bà Liễu đã yêu cầu ông Nam, bà Hạnh trả nhiều lần nhưng ông Nam, bà Hạnh không trả.

Nay ông Dũng, bà Liễu yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn N, bà Phạn Thị Hạnh trả cho ông Dũng, bà Liễu số tiền gốc còn nợ là 271.622.000 đồng, ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa ông Dũng, bà Liễu vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của ông Dũng vắng mặt nhưng có gửi bản ý kiến yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn N, bà Phan Thị H trả cho ông Dũng, bà Liễu số tiền gốc còn nợ là 270.372.000 đồng, không yêu cầu ông Nam, bà Hạnh phải chịu lãi suất.

Bị đơn ông ông Trần Văn N tại bản tự khai; biên bản hòa giải; Biên bản đối chất đều trình bầy:

Ông Nam xác nhận gia đình ông có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình ông Dũng, bà Liễu nhiều năm. Đến năm 2018 ông Nam không tiếp tục mua thức ăn chăn nuôi của ông Dũng nữa, hai bên đã thống nhất chốt nợ với nhau số tiền ông Nam còn nợ là 138.085.000 đồng. Tính đến ngày 27/01/2022 ông Nam đã trả cho vợ chồng ông Dũng, bà Liễu số tiền là 75.413.000 đồng. Số tiền ông Nam còn nợ ông Dũng, bà Liễu là 62.672.000 đồng.

Ông Nam xác định đồng ý trả số tiền còn nợ là 62.672.000 đồng, ông không đồng ý trả số tiền như đơn khởi kiện của ông Dũng, bà Liễu và ông không đồng ý vợ ông là bà Phan Thị H cùng trả nợ với ông.

Bị đơn bà Phan Thị H tại bản tự khai và Biên bản hòa giải trình bày: Bà Hạnh không biết việc anh Nam và ông Dũng, bà Liễu mua bán với nhau như nào. Bà chỉ biết là anh Nam có nhiều lần đưa tiền cho bà để bà trả cho ông Dũng, bà Liễu, chụ thể: Ngày 07/11/2019 âm lịch bà trả cho bà Liễu số tiền là 10.000.000 đồng, ngày 8/12/2019 âm lịch bà trả số tiền 15.106.000 đồng, ngày 25/11/2020 bà trả cho bà Liễu số tiền là 15.107.000 đồng, ngày 25/12/2021 âm lịch bà trả bà Liễu số tiền là 15.200.000 đồng.

Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 62.672.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp, chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 161; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 288; Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L. Buộc ông Trần Văn N, bà Phan Thị H phải liên đới trả trả cho ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L số tiền 270.372.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn rút yêu cầu này.

3. Về án phí: Ông Trần Văn N, bà Phan Thị H phải liên đới chịu 13.518.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định ông Trần Văn N phải chịu 3.240.000 đồng. Xác nhận anh Trần Văn N đã nộp đủ.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Trần Văn N, chị Phan Thị H có nơi cư trú tại thôn Tân Sơn, xã Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Dũng, bà Liễu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn thể hiện ông Dũng, bà Liễu khởi kiện đòi bị đơn số tiền mau thức ăn chăn nuôi theo giấy chốt nợ đề ngày 02/02/2021.

Kể từ thời ngày chốt nợ đến nay chưa quá quá 03 năm, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được thụ lý vụ án, giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nam vắng mặt không có lý do, chị Hạnh vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn N, bà Phan Thị H phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ tính đến ngày 02/02/2021 là 270.372.000 đồng.

Bị đơn ông Nam, bà Hạnh không đồng ý trả. Chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc mua cám còn lại là là 62.672.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong các tài liệu chứng cứ ông Dũng, bà Liễu cung cấp cụ thể giấy có nội dung chốt nợ đề ngày 02/02/2021 giữa ông Dũng, bà Liễu và vợ chồng ông ông Nam, bà Hạnh có ký kết, hai bên xác định số tiền còn nợ là 271.622.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả cuối cùng, không thỏa thuận về việc tính lãi suất, giấy ghi nợ có chữ ký của bà Hạnh đã xác định là ngày trả nợ cuối cùng đối với khoản chốt nợ giữa hai bên từ ngày ông Trần Văn N chốt nợ ngày 20/6/2019 số tiền 312.455.000 đồng. Quá trình Tòa án làm việc, ông Nam cho rằng các chữ ký chốt nợ tại bút lục số 21 có dấu của Phòng kỹ hình sự Công an tỉnh Bắc Giang số 900 năm 2003 có ký hiệu TLCGĐ: A 1; bút lục số 25 ký hiệu TLCGĐ: A 2; bút lục số 26 ký hiệu TLCGĐ: A 3; bút lục số 29 ký hiệu TLCGĐ: A 4 và bút lục số 30 ký hiệu TLCGĐ: A 5 không phải chữ ký và chữ viết của ông Nam. Ông Nam đã yêu cầu Tòa án giám định chữa viết và chữ ký đối với các lần chốt nợ này.

Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã ra Quyết định trung cầu giám định chữ ký và chữ viết đối với yêu cầu của ông Nam.

Tại kết luận giám định số 1015/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của Phòng kỹ thuaantj hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có kết luận "Chữ ký dạng chữ viết mực mầu xanh có nội dung " Nam" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết có nội dung "Nam" tại dòng 1 tính từ dưới lên trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2), tại dòng 14 từ trên xuống dưới trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3), tại dòng 21 tính từ trên xuống dưới tại mặt trước và dòng 1 tính từ dưới lên trên tại mặt sau trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4); chữ viết có nội dung "Nam – Trần Văn N" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn N trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M7) là do cùng một người viết ra.

Do vậy Hội đồng xét xử xác định ông Nam, bà Hạnh và ông Dũng, bà Liễu có thỏa chốt nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, các chữ ký và chữ viết đều là do ông Nam tự viết và tự ký tên. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L buộc vợ chồng ông Nam, bà Hạnh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L số tiền còn nợ là 270.372.000 đồng theo giấy chốt nợ ngày 02/02/2021. Do ông Dũng, bà Liễu rút yêu cầu tính lãi suất, Hội đông xét xử đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Do ông Trần Văn N, bà Phan Thị H không thuộc đối tượng miễn, giảm án phí do vậy cần căn cứ khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 12 khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Nam, bà Hạnh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của ông Dũng, bà Liễu được chấp nhận, do vậy ông Dũng, bà Liễu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Dũng, bà Liễu số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chí phí giám định: Ông Trần Văn N là người yêu cầu giám định, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông Nam là không có căn cứ. Do vậy ông Nam phải chịu chi phí giám định theo quy định tại tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 288; Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; khoản 1 Điều 357; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L.

Buộc ông Trần Văn N, bà Phan Thị H phải liên đới trả trả cho ông Đồng Văn D, bà Phạm Thị L số tiền còn nợ là 270.372.000 đồng (Hai trăm bẩy mươi triệu ba trưm bẩy mươi hai nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn N, bà Phan Thị H phải liên đới chịu 13.518.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định ông Trần Văn N phải chịu 3.240.000 đồng. Xác nhận anh Trần Văn N đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn